

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2827/TTr-SNNMT ngày 21 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam, địa chỉ: 312 Nguyễn Hữu Thọ, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Xây dựng công trình mỏ lộ thiên huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường Phong Dinh, thành phố Huế)” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở

1.1. Tên Cơ sở: Xây dựng công trình mỏ lộ thiên huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường Phong Dinh, thành phố Huế).

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Phong Dinh, thành phố Huế.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư số 2161402328, chứng nhận lần đầu ngày 21/02/2008, cấp thay đổi lần thứ 01 ngày 27/02/2026 do Sở Tài chính thành phố Huế cấp.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300635748 đăng ký lần đầu ngày 28/3/1992, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 24/11/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) thành phố Đà Nẵng cấp.

1.5. Mã số thuế: 0300635748

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác cát thạch anh.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô: Tổng diện tích đất 85,13 ha, tương đương 851.300 m².

Diện tích đất đã thuê: 715.085 m² (Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 95/HĐTĐ ngày 14/08/2012 và Hợp đồng thuê đất số 29/HĐTĐ ngày 24/5/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tuy nhiên, trong diện tích đã thuê, phần diện tích thuộc phạm vi khai thác là 650.573 m² và diện tích không thuộc phạm vi khai thác là 64.512 m² được Chủ cơ sở sử dụng để bố trí các công trình phụ trợ.

Phần diện tích khai thác còn lại chưa thực hiện thuê đất là 200.727 m².

Vì vậy, trong phạm vi hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Xây dựng công trình mỏ lộ thiên huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường Phong Dinh, thành phố Huế)”, Nội dung cấp giấy phép môi trường đối với các công trình bảo vệ môi trường thuộc phần diện tích đã được thuê đất.

- Cơ sở thuộc loại hình Dự án nhóm C.

- Cơ sở thuộc loại hình Dự án nhóm I (thuộc Phụ lục III, ban hành kèm theo Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

- Trữ lượng mỏ:

+ Trữ lượng địa chất: 4.195.224 tấn.

+ Trữ lượng khai thác: 3.702.664 tấn.

- Công suất khai thác: 185.125 tấn/năm.
- Thời hạn khai thác: 21 (hai một) năm (kể từ ngày được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 604/GP-BTNMT ngày 24/3/2008).
- Phương thức khai thác: Lộ thiên

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các phương án giảm phát sinh bụi trong quá trình hoạt động khai thác quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình khai thác; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện

trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình Chủ tịch UBND thành phố theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Sở NN&MT, CCBVMT;
- Quỹ BVMT thành phố;
- UBND phường Phong Dinh;
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam;
- Công Thông tin điện tử UBND thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, XD;
- Lưu VT, CT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 33/GPMT-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác và khu vực phụ trợ.

2. Dòng nước thải xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn nước tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương nước tự nhiên phía Bắc cơ sở, thuộc phường Phong Dinh, thành phố Huế sau đó tự chảy ra đầm Bàng.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: mương nước tự nhiên phía Bắc của cơ sở, sau đó thoát về phía đầm Bàng.

- Tọa độ xả thải: Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰

X: 1.839.756,69 (m); Y: 539.895,14 (m)

- Điểm xả nước thải sau xử lý lắng phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả nước thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.663 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả thải: Liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, giá trị C_{max} , cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,0$, các thông số đặc trưng cụ thể:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 40:2011/BTNMT giá trị C_{max} , cột B, $K_q=0,9$, $K_f=1,0$)
1	pH	-	5,5 - 9
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	90
3	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	09

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hồ lắng xử lý nước thải

Nước mưa chảy tràn qua khu vực mở, khu phụ trợ theo địa hình tự chảy về các mương đất dài khoảng 500m, rộng khoảng 03m, sâu khoảng 01m, qua hồ lắng thể tích 100 m³.

1.2. Công trình xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác về hồ lắng thuộc khu vực phụ trợ của Dự án.

- Hồ lắng có thể tích thể tích 100 m³ {(DxRxC) = 10m x 5m x 2m}. Hồ lắng có vị trí nằm trong khuôn viên cơ sở.

- Tọa độ vị trí hồ lắng (theo hệ tọa độ VN 2000, KTT 107, múi chiều 3^o) cụ thể như sau:

$$X(m): 1.839.785,88 \quad Y(m): 539.909,52$$

1.3. Mạng lưới thoát nước thải sau khi qua hồ lắng

Nước sau khi lắng, thoát vào môi trường qua cống thoát nước đường kính 900mm, dài 06m và mương đất thoát dài khoảng 02m, rộng khoảng 01m, sâu khoảng 0,5m. Nước mưa chảy tràn được thu gom bởi các mương lớn nên các mương thu gom vừa có chức năng thu gom, vừa có chức năng lắng các chất rắn lơ lửng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 33 /GPMT-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép về khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Để phòng ngừa, giảm thiểu bụi phát sinh, Chủ cơ sở phải thực hiện các biện pháp sau:

- Xây dựng tuyến đường vận chuyển nội bộ bằng bê tông, rộng 03m, dài khoảng 1.380m trong phạm vi mỏ và 150m ở khu phụ trợ để hạn chế bụi phát sinh, phát tán vào môi trường.

- Phun tưới nước tuyến đường vận chuyển cát tại khu vực mỏ và khu phụ trợ bằng xe bồn tưới nước đảm bảo tuyến đường vận chuyển luôn được giữ ẩm và không phát sinh bụi. Đặc biệt, vào những ngày không mưa, Chủ cơ sở sẽ tăng tần suất tưới liên tục đảm bảo không phát sinh bụi với tần suất tưới nước khoảng 08 lần/ngày. Sử dụng nước từ trạm Bàng, lưu lượng nước sử dụng khoảng 50-60 m³/ngày.

- Phun tưới ẩm cát tại khu vực bãi chứa cát để hạn chế phát sinh bụi bằng xe bồn. Đặc biệt, vào những ngày không mưa, Chủ cơ sở sẽ tăng tần suất tưới liên tục khoảng 06 lần/ngày đảm bảo cát luôn được giữ ẩm và không phát sinh bụi khi tập kết tại bãi chứa và vận chuyển bằng băng tải

- Cát nguyên khai vận chuyển về Nhà máy bằng băng tải từ khu vực mỏ đến nhà máy.

- Giữ nguyên lớp thực vật đối với khu vực chưa khai thác để điều hòa không khí tại khu vực và tạo vành đai cây xanh đối với môi trường xung quanh.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 33/GPMT-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2026
của UBND thành phố)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy đào, máy xúc, phương tiện chuyên và băng tải vận chuyển.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Trong phạm vi cơ sở, được giới hạn bởi các điểm góc theo hệ tọa độ VN.2000, cụ thể:

STT	Tên mốc	Kinh tuyến trục 105 (6 ⁰)		Kinh tuyến trục 107 (3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
1	M1	1.841.902	750.435	1.841.016,19	537.105,63
2	M2	1.842.153	750.514	1.841.266,23	537.187,08
3	M3	1.840.660	753.150	1.839.747,65	539.806,80
4	M4	1.840.320	753.150	1.839.407,82	539.803,40

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ Tiếng ồn:

STT	Khoảng thời gian			Ghi chú
1	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	Khu vực E (cơ sở sản xuất)
	70	65	60	

+ Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	
1	70	60	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, bảo đảm các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 33/GPMT-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2026
của UBND thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

- Cơ sở không phát sinh chất thải nguy hại

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh

a. Chất thải rắn sinh hoạt: Cơ sở không phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Khối lượng chất thải phát sinh: Bùn cát tại hồ lắng: 200 kg/lần, tần suất nạo vét: 02 tuần/lần với mã CTR thông thường là 12 06 13.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường

Bùn cát tại hồ lắng: được thu gom và tập kết ngay tại bờ của hồ lắng để gia cố hồ lắng và sử dụng để lấp hồ lắng sau khi kết thúc khai thác.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố tai nạn lao động

- Công nhân vận hành máy móc thiết bị như máy đào, máy ủi được đào tạo và đảm bảo thông thạo kỹ thuật trước khi vận hành máy.

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động và vệ sinh lao động đồng thời có chế độ kiểm tra việc chấp hành của người lao động.

- Ban hành nội quy, quy định làm việc tại cơ sở và Chủ cơ sở hoặc bộ phận quản lý tiến hành giám sát việc thực hiện nội quy của công nhân.

- Tổ chức các buổi tập huấn về an toàn lao động cho công nhân.

- Có chế độ làm việc, nghỉ ngơi với thời gian hợp lý.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng thiết bị, máy móc trong quá trình khai thác.

2. Sự cố cháy nổ

- Yêu cầu công nhân không nấu nướng, sử dụng lửa trong và xung quanh khu vực mỏ.

- Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy phù hợp để sẵn sàng đối phó kịp thời trong mọi trường hợp một cách chủ động và có hiệu quả.

3. Sự cố sạt lở

- Khai thác theo đúng thiết kế đã được phê duyệt, không khai thác quá độ sâu, phạm vi đã cấp phép.

- Không khai thác vào thời điểm mưa to, lũ lụt.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 33/GPMT-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2026
của UBND thành phố)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Căn cứ vào điều kiện thực tế của loại hình khai thác khoáng sản ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực; hiện trạng khai trường sau kết thúc khai thác, diện tích thực tế của cơ sở và tuân thủ hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường; phương án cải tạo phục hồi môi trường tại cơ sở trên toàn bộ phần diện tích 851.300 m² gồm các nội dung công việc như sau:

- Đối với khu vực khai trường:

+ San gạt tạo mặt bằng cos dao động từ 3,6-5,3 m.

+ Trồng cây trên toàn bộ diện tích mỏ.

Đối với tuyến đường vận chuyển bê tông, Chủ cơ sở sẽ giữ lại để phục vụ cho quá trình di chuyển trong quá trình trồng, chăm sóc, thu hoạch rừng và sử dụng để làm đường công vụ phục vụ công tác chữa cháy rừng.

- Đối với công trình phụ trợ

+ San lấp hồ lắng;

+ Tháo dỡ băng tải vận chuyển cát từ khu vực phụ trợ về Nhà máy;

+ Trồng cây trên toàn bộ diện tích khu phụ trợ.

Tổng hợp khối lượng công việc để cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng	Kế hoạch thực hiện
I	Khu vực khai trường			
1.1	San gạt	m ³	84.716	Chủ cơ sở thực hiện cải tạo môi trường theo hình thức cuốn chiếu: tiến hành san gạt và trồng cây ngay khi các khu vực khai thác đạt đến cao trình kết thúc.
1.2	Trồng cây	ha	84,716	
II	Khu vực phụ trợ			
2.1	San lấp hồ lắng	m ³	100	
2.2	Tháo dỡ băng tải vận chuyển cát từ khu vực phụ trợ về Nhà máy	tấn	6,6	
2.3	Trồng cây	ha	6,4062	
2.4	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình IV	ha	85,13	

2. Dự toán kinh phí phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (chưa tính đến yếu tố trượt giá trong các năm): 16.230.097.000 đồng. (Mười sáu tỷ, hai trăm ba mươi triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn đồng./.). Số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2026.

Tổng số tiền Chủ cơ sở đã thực hiện ký quỹ đến thời điểm cấp phép với số tiền là 1.509.191.127 đồng. Việc khấu trừ số tiền đã đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường và theo quyết định của Quỹ Bảo vệ môi trường thành phố Huế.

- Thực hiện ký quỹ như sau:

+ Số lần ký quỹ: 03 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 4.057.524.250 đồng.

+ Số tiền ký quỹ những lần tiếp theo: 6.086.286.375 đồng.

- Thời điểm ký quỹ: Chủ cơ sở thực hiện ký quỹ lần đầu trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường; việc ký quỹ lần thứ hai phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

Nơi nhận tiền ký quỹ:

Quỹ Bảo vệ môi trường thành phố Huế.

Địa chỉ: số 115 đường Nguyễn Huệ, phường Thuận Hóa, thành phố Huế.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực khoáng sản, đất đai trong quá trình hoạt động. Trường hợp hết thời hạn khai thác khoáng sản hoặc không được gia hạn, Công ty phải dừng hoạt động xả thải ra môi trường.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử

dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.